

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRỊNH HOÀNG YẾN

**BIỆN PHÁP QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH
HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC Ở TRUNG
TÂM ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI TẠI ĐÀ NẴNG**

Chuyên ngành: Quản lý giáo dục

Mã số: 60.14.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ GIÁO DỤC HỌC

Đà Nẵng, Năm 2013

Công trình được hoàn chỉnh tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **TS. NGUYỄN QUANG GIAO**

Phản biện 1 : **PGS.TS. LÊ QUANG SƠN**

Phản biện 2 : **PGS.TS. PHÙNG ĐÌNH MÃN**

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Giáo dục học họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 16 tháng 11 năm 2013

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong xu thế hội nhập và toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ như hiện nay, chất lượng đào tạo được xem là yếu tố sống còn của bất kỳ cơ sở giáo dục và đào tạo nào. Chất lượng đào tạo không chỉ là điều kiện cho sự tồn tại mà còn là cơ sở cho việc xác định uy tín, thương hiệu của một cơ sở giáo dục và đào tạo, là niềm tin của người sử dụng sản phẩm được đào tạo và là động lực của người học.

Đất nước ta đang bước vào thời kỳ hội nhập, việc cạnh tranh toàn cầu đòi hỏi nguồn nhân lực có chất lượng cao phục vụ tiến trình hội nhập toàn diện của đất nước. Trong đó giáo dục đại học đóng vai trò quan trọng cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước.

Là đơn vị trực thuộc Viện Đại học Mở Hà Nội, Trung tâm Đại học Mở Hà Nội tại Đà Nẵng được thành lập theo Quyết định số 104/QĐ ngày 05 tháng 5 năm 1994 của Giám đốc Đại học Mở Hà Nội. Trung tâm có nhiệm vụ phát triển và đào tạo đại học theo hình thức đào tạo từ xa và đào tạo tại chỗ, với mục tiêu phát triển nguồn nhân lực cho khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

Với mong muốn góp phần nâng cao chất lượng đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học của Trung tâm Đại học Mở Hà Nội tại Đà Nẵng đặc biệt là chất lượng đào tạo cử nhân ngành QTKD, chúng tôi chọn đề tài: ***“Biện pháp quản lý chất lượng đào tạo ngành Quản trị kinh doanh hình thức vừa làm vừa học ở Trung tâm Đại học Mở Hà Nội tại Đà Nẵng”*** để nghiên cứu.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận về quản lý chất lượng đào tạo đại học theo hình thức vừa làm vừa học, tiến hành đánh giá thực trạng QLCL đào tạo ngành Quản trị kinh doanh theo hình thức VLVH ở Trung tâm Đại học Mở Hà Nội tại Đà Nẵng, từ đó đề xuất các biện

pháp quản lý nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ngành QTKD theo hình thức VLVH ở Trung tâm ĐH Mở Hà Nội tại Đà Nẵng hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Các biện pháp QLCL đào tạo ngành QTKD theo hình thức VLVH ở Trung tâm Đại học Mở Hà Nội tại Đà Nẵng.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Nghiên cứu QLCL đào tạo cử nhân ngành QTKD theo hình thức VLVH ở Trung tâm Đại học Mở Hà Nội tại Đà Nẵng.

4. Giả thuyết khoa học

Nếu áp dụng đồng bộ các biện pháp nhằm nâng cao nhận thức của giảng viên và học viên về tầm quan trọng của chất lượng đào tạo; phát triển đội ngũ GV cơ hữu đảm bảo về số lượng và chất lượng; tăng cường QLCL giảng dạy của GV; tăng cường QLCL học tập của học viên; đẩy mạnh hoạt động kiểm tra - đánh giá kết quả học tập; đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, thì sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ngành QTKD theo hình thức VLVH ở Trung tâm Đại học Mở Hà Nội tại Đà Nẵng.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

5.1. Nghiên cứu cơ sở lý luận về quản lý chất lượng đào tạo đại học theo hình thức VLVH.

5.2. Khảo sát, phân tích, đánh giá thực trạng quản lý chất lượng đào tạo ngành Quản trị kinh doanh theo hình thức VLVH ở Trung tâm Đại học Mở Hà Nội tại Đà Nẵng.

5.3. Đề xuất các biện pháp QLCL đào tạo ngành QTKD theo hình thức VLVH ở Trung tâm Đại học Mở Hà Nội tại Đà Nẵng.

6. Phương pháp nghiên cứu

6.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý thuyết

6.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

6.3. Nhóm phương pháp xử lý thông tin

7. Bố cục luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, khuyến nghị, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục; nội dung luận văn gồm 03 chương.

Chương 1: Cơ sở lý luận về quản lý chất lượng đào tạo đại học theo hình thức vừa làm vừa học.

Chương 2: Thực trạng QLCL đào tạo ngành QTKD theo hình thức vừa làm vừa học ở Trung tâm Đại học Mở Hà Nội tại Đà Nẵng.

Chương 3: Biện pháp QLCL đào tạo ngành QTKD theo hình thức vừa làm vừa học ở Trung tâm Đại học Mở Hà Nội tại Đà Nẵng.

8. Tổng quan tài liệu

Trong quá trình thực hiện luận văn, tác giả luận văn đã đọc và nghiên cứu tổng quan tài liệu về quản lý, quản lý giáo dục; quản lý chất lượng giáo dục làm cơ sở xác lập cơ sở lý luận của luận văn như: Khoa học tổ chức quản lý - một số vấn đề lý luận và thực tiễn của các tác giả Đặng Quốc Bảo, Nguyễn Quốc Chí, Nguyễn Thị Mỹ Lộc (1999); Quản lý chất lượng giáo dục của tác giả Phạm Thành Nghị (2000); Hệ thống đảm bảo chất lượng quá trình dạy học ở trường đại học của tác giả Nguyễn Quang Giao (2012);...

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC THEO HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC

1.1. TỔNG QUAN CÁC NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

Ở nước ngoài, về mặt lý luận, đã có nhiều tác giả đề cập tới khái niệm chất lượng, chất lượng giáo dục đại học, đảm bảo chất lượng, hệ thống đảm bảo chất lượng như: Astin (1985) trong tác phẩm "Achieving educational excellence: A critical assessment of priorities

and practices in higher education"; Sallis (1993) trong tác phẩm "Total Quality Management in Education"...

Ở Việt Nam, đến nay đã có nhiều tác giả, các nhà khoa học đã nghiên cứu về chất lượng giáo dục đại học như: Nguyễn Đức Chính (2002) với "Kiểm định chất lượng trong giáo dục đại học"; Nguyễn Quang Giao (2012) với "Hệ thống đảm bảo chất lượng quá trình dạy học ở trường đại học";...

Đối với chất lượng đào tạo hình thức VLVH, hiện nay đã có nhiều công trình nghiên cứu và phổ biến rộng rãi. Một số công trình nghiên cứu, bài báo khoa học đi sâu vào việc nghiên cứu đào tạo theo hình thức VLVH dưới nhiều góc độ khác nhau. Trong các công trình khoa học các cấp và luận văn thạc sĩ chuyên ngành quản lý giáo dục, các tác giả đã quan tâm đến đổi mới quản lý hình thức VLVH, nâng cao hiệu quả quản lý công tác đào tạo theo hình thức VLVH.

Nhìn chung đã có nhiều công trình nghiên cứu về chất lượng đào tạo, QLCL đào tạo ở các trường đại học, song chưa có tác giả nào đi sâu nghiên cứu biện pháp QLCL đào tạo ngành QTKD theo hình thức VLVH ở Trung tâm Đại học Mở Hà Nội tại Đà Nẵng.

1.2. CÁC KHÁI NIỆM CHÍNH CỦA ĐỀ TÀI

1.2.1. Chất lượng, chất lượng đào tạo

a. Chất lượng

Chất lượng là một khái niệm trừu tượng và khó nắm bắt. Mặc dù có nhiều định nghĩa và cách hiểu khác nhau nhưng có thể khái quát lại chất lượng là sự phù hợp với mục tiêu và hướng đến thỏa mãn nhu cầu của khách hàng.

b. Chất lượng đào tạo

CLĐT được hiểu là sự phù hợp mục tiêu đào tạo và hướng đến thỏa mãn nhu cầu khách hàng bao gồm học viên và người sử dụng lao động.

1.2.2. Quản lý, quản lý giáo dục

a. Quản lý

Quản lý là một quá trình tác động có định hướng (có chủ đích), có tổ chức, có lựa chọn trong số các tác động có thể có, dựa trên các thông tin về tình trạng của đối tượng và môi trường nhằm giữ cho sự vận hành của đối tượng được ổn định và làm cho nó phát triển tới mục tiêu đã định.

b. Quản lý giáo dục

QLGD là quản lý quá trình hình thành và phát triển nhân cách con người trong các chế độ chính trị xã hội khác nhau mà trách nhiệm là của nhà nước và ngành giáo dục từ trung ương đến địa phương và đơn vị cơ sở là nhà trường.

1.2.3. Quản lý chất lượng, quản lý chất lượng đào tạo

a. Quản lý chất lượng

Quản lý chất lượng được sử dụng trong đề tài là quản lý theo chuẩn nhằm đạt được mục tiêu và hướng đến thỏa mãn nhu cầu khách hàng.

b. Quản lý chất lượng đào tạo

Quản lý chất lượng đào tạo là quản lý theo các chuẩn mực đã được xác lập nhằm đạt được mục tiêu đào tạo và hướng đến thỏa mãn nhu cầu của khách hàng.

Quản lý chất lượng đào tạo bao gồm QLCL tuyển sinh đầu vào, QLCL quá trình đào tạo, QLCL sản phẩm đào tạo hay nói cách khác là trình độ hiện thực hóa hay trình độ đạt được của mục tiêu đào tạo thể hiện ở trình độ phát triển nhân cách của người học sau khi kết thúc quá trình đào tạo.

1.3. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC

1.3.1. Đặc điểm của học viên theo hình thức vừa làm vừa học ở trường đại học

Đối tượng tuyển sinh của loại hình đào tạo này rất đa dạng, bao gồm học sinh vừa tốt nghiệp trung học phổ thông, sinh viên đã tốt nghiệp đại học, cán bộ công chức các cơ quan nhà nước và công ty tư nhân,... Do đó, học viên của hình thức đào tạo này đại bộ phận là những người đã trưởng thành, có độ tuổi chênh lệch nhau, có sự khác biệt về nhận thức cũng như vốn sống, sở thích, vị trí xã hội, mục đích học tập... Mục tiêu học tập của họ của rất đa dạng và ở nhiều cấp độ khác nhau. Hơn nữa nhu cầu học tập của họ tập trung vào những vấn đề cần giải quyết các tình huống cụ thể trong công việc mà họ đảm nhận thực tế hàng ngày.

1.3.2. Đặc trưng và nội dung đào tạo hình thức vừa làm vừa học

Đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học là phương thức giáo dục hết sức mềm dẻo, linh hoạt, đa dạng về đối tượng, phong phú về nội dung chương trình. Hình thức đào tạo VLVH được thực hiện theo quyết định số 36/2007/QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2007 về việc ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hình thức vừa làm vừa học chương trình giáo dục đại học.

1.4. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA QLCL ĐÀO TẠO HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC

1.4.1. Mục tiêu của quản lý chất lượng đào tạo ở trường đại học

Quản lý chất lượng đào tạo ở trường ĐH bao gồm:

- Tuyển sinh đúng số lượng, chất lượng theo quy định;
- Đảm bảo kế hoạch học tập;
- Giảng dạy theo đúng chương trình và nội dung môn học;

- Xây dựng đội ngũ giảng viên đồng bộ, đủ số lượng, đảm bảo chất lượng;

- Đảm bảo chất lượng giảng dạy của GV;

- Đảm bảo chất lượng học tập của HV;

- Hoàn thiện nâng cao chất lượng cơ sở vật chất, trang thiết bị học tập;

- Xây dựng và hoàn thiện môi trường giáo dục lành mạnh thống nhất và thường xuyên cải tiến công tác quản lý chất lượng theo mô hình tiến tiến và hiệu quả.

1.4.2. Nguyên tắc của quản lý chất lượng ở trường đại học

- QLCL phải được định hướng bởi khách hàng

- Coi trọng con người trong QLCL

- QLCL phải được thực hiện toàn diện và đồng bộ

- QLCL phải thực hiện đồng thời với các yêu cầu đảm bảo và cải tiến chất lượng

- Quản lý theo quá trình

- Nguyên tắc kiểm tra

1.4.3. Lợi ích của việc áp dụng quản lý chất lượng ở trường đại học

Áp dụng QLCL trong quản lý ở các trường ĐH là một trong quản lý là một trong những giải pháp quan trọng để nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu của người học và của xã hội.

1.4.4. Nội dung quản lý chất lượng đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học ở trường đại học

a. Quản lý chất lượng tuyển sinh đầu vào

Căn cứ vào chỉ tiêu tuyển sinh ĐH, cao đẳng hình thức VLVH; công tác tuyển sinh học ngành QTKD theo hình thức VLVH phải đảm bảo các tiêu chí bao gồm:

- Tổng số học viên theo chỉ tiêu phân bổ;
- Cách thức tuyển sinh và các chế độ ưu đãi;
- Động cơ học tập;
- Đủ sức khỏe để tham gia học tập theo qui định;
- Những người đã có bằng tốt nghiệp ĐH, có nguyện vọng học ĐH ngành học khác theo hệ VLVH, được xét tuyển thẳng vào ĐH theo hình thức VLVH;
- Những người đã có bằng tốt nghiệp CĐ, có nguyện vọng học CĐ ngành học khác theo hình thức VLVH, được xét tuyển thẳng vào CĐ theo hình thức VLVH;
- Những người tốt nghiệp trung học phổ thông tham gia kỳ thi VLVH do nhà trường tổ chức.

b. Quản lý chất lượng nội dung, chương trình đào tạo

Theo điều 2 khoản b của quy chế Tuyển sinh đại học và cao đẳng hình thức vừa làm vừa học quy định cụ thể CTĐT theo hình thức VLVH được thiết kế như CTĐT chính quy cùng trình độ. Kế hoạch đào tạo được xây dựng phù hợp với việc tổ chức đào tạo theo hình thức VLVH.

Chương trình đào tạo cần cụ thể, bao quát và là một phức hợp bao gồm 4 bộ phận cấu thành: Mục tiêu học tập; Phạm vi, mức độ và cấu trúc nội dung học tập; Các phương pháp, hình thức tổ chức học tập; Đánh giá kết quả học tập.

c. Quản lý chất lượng giảng dạy của giảng viên

Quản lý chất lượng dạy của giảng viên bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Theo dõi, đôn đốc thực hiện, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy của giảng viên;

- Theo dõi, chỉ đạo thực hiện và đánh giá được kết quả thực hiện việc học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và sư phạm của giảng viên;

- GV chuẩn bị đầy đủ các bài giảng, soạn giáo án và đảm bảo giờ giấc lên lớp dạy hàng ngày, để giúp cho học viên tiếp thu và nắm vững kiến thức;

- Thực hiện các giờ dạy lý thuyết/ thực hành/tích hợp theo đúng giáo án, đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ theo quy định;

- Biết vận dụng, phối hợp các phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực, sáng tạo, phát triển năng lực tự học của người học;

- GV quan tâm hướng dẫn, bồi dưỡng phương pháp tự học cho học viên;

- GV sử dụng công nghệ thông tin, các phương tiện dạy học hiện đại trong dạy học.

d. Quản lý chất lượng học tập của học viên

QLCL học tập của học viên có các nội dung cơ bản chủ yếu sau:

- Xây dựng thái độ động cơ học tập của học viên;

- Quản lý nề nếp, kỷ cương trong học tập của học viên;

- Quản lý học tập trên lớp của học viên;

- Quản lý hoạt động tự học, tự bồi dưỡng của học viên;

- Theo dõi, tìm hiểu để nắm được những biểu hiện tích cực và tiêu cực của học viên trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập;

- Theo dõi, thúc đẩy, khuyến khích học viên phát huy các yếu tố tích cực, khắc phục các yếu tố tiêu cực, phấn đấu vươn lên đạt kết quả học tập, rèn luyện ngày càng cao.

e. Quản lý chất lượng hoạt động kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học viên

Quản lý chất lượng hoạt động kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học viên bao gồm các nội dung:

- Các hình thức ra đề thi được lựa chọn để kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học viên tùy thuộc theo từng môn học cụ thể;

- Công tác tổ chức coi thi, phân công cán bộ, nhiệm vụ coi thi theo đúng quy chế của Bộ GD & ĐT;

- Công tác chấm thi luôn duy trì chế độ xây dựng quy trình và thao tác chung; duy trì phân công giảng viên tham gia chấm thi (một bài thi có 2 GV chấm). Công việc ghi điểm, quản lý điểm và lưu giữ bài thi theo đúng quy chế của Bộ GD & ĐT;

- Việc công bố điểm thi được công khai sau khi chấm thi xong 10 ngày và đăng trên bảng thông báo, bảng tin của nhà trường;

- Việc lấy thông tin phản hồi từ phía học viên sau 5 ngày khi công bố kết quả điểm thi.

f. Quản lý chất lượng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

Quản lý chất lượng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học gồm có các nội dung:

- Đảm bảo số lượng phòng học phục vụ dạy học;
- Phòng học đảm bảo về diện tích, ánh sáng;
- Có phòng vi tính, phòng thí nghiệm, thư viện;
- Đảm bảo trang thiết bị nghe nhìn;
- Đảm bảo đồ dùng dạy học;
- Đảm bảo cảnh quang môi trường sư phạm;
- Thực hiện chống xuống cấp CSVC;
- Xây dựng kế hoạch và bổ sung trang thiết bị dạy học .

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Chương 1 của luận văn đã xác định rõ nội hàm các khái niệm chính của đề tài bao gồm: Chất lượng, chất lượng đào tạo, quản lý, quản lý giáo dục, quản lý chất lượng, quản lý chất lượng đào tạo và những vấn đề cơ bản có liên quan tới hình thức đào tạo vừa học vừa làm ở trường đại học.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD THEO HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC Ở TRUNG TÂM ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI TẠI ĐÀ NẴNG

2.1. KHÁI QUÁT VỀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRUNG TÂM ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI TẠI ĐÀ NẴNG

2.2. KHÁI QUÁT QUÁ TRÌNH KHẢO SÁT

2.2.1. Mục đích khảo sát

2.2.2. Nội dung khảo sát

2.2.3. Tổ chức khảo sát

2.3. THỰC TRẠNG CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH THEO HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC Ở TRUNG TÂM ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI TẠI ĐÀ NẴNG

2.3.1. Thực trạng nhận thức của CBQL, GV, HV về tầm quan trọng của chất lượng đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học

Kết quả khảo sát ở bảng 2.1 cho thấy hầu hết CBQL, GV có nhận thức tích cực về tầm quan trọng của chất lượng đào tạo theo hình thức VLVH tại Trung tâm ĐH Mở Hà Nội tại Đà Nẵng; có 22% ý kiến của GV cho rằng rất cần thiết, 56% cho là cần thiết và 22% phân vân. Đối với cán bộ quản lý thì 50% ý kiến cho là cần thiết, 33% còn phân vân và chỉ có 17% cho là không cần thiết.

Đối với HV thì có 16% ý kiến cho rằng việc nhận thức về tầm quan trọng của chất lượng đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học tại Trung tâm ĐH Mở Hà Nội tại Đà Nẵng là rất cần thiết, 38% ý kiến đánh giá cần thiết, 30% thì phân vân. Như vậy đa số HV có nhận thức đúng đắn về chất lượng đào tạo theo hình thức VLVH. Tuy

nhiên, vẫn còn 4 học viên (chiếm 11,3%) đánh giá không cần thiết và 2 học viên (chiếm 4,7%) đánh giá là hoàn toàn không cần thiết.

2.3.2. Kết quả học tập của học viên ngành QTKD theo hình thức VLVH ở Trung tâm Đại học Mở Hà Nội tại Đà Nẵng

Qua các bảng số liệu 2.2 và 2.3 cho thấy số lượng HV nhập học giảm dần qua các năm. Tuy nhiên, tỷ lệ học viên tốt nghiệp ra trường đạt khá cao.

Về chất lượng học viên tốt nghiệp ra trường, tuy đạt loại giỏi không cao nhưng cũng đáp ứng yêu cầu với tỷ lệ từ 3 - 5%. Về tỷ lệ học viên tốt nghiệp đạt loại khá chiếm khá cao và đồng đều qua các năm trong khoảng 37% - 38%.

2.3.3. Thực trạng chất lượng đào tạo ngành QTKD theo hình thức VLVH ở Trung tâm Đại học Mở Hà Nội tại Đà Nẵng

Qua kết quả khảo sát các ý kiến của CBQL, GV, SV và cơ quan doanh nghiệp sử dụng lao động đánh giá về chất lượng đào tạo ngành QTKD theo hình thức vừa học vừa làm ở Trung tâm Đại học Mở Hà Nội tại Đà Nẵng tập trung ở mức độ Khá và Trung bình Khá. Kết quả khảo sát phù hợp với kết quả xếp loại tốt nghiệp trong các năm học gần đây.

2.4. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD THEO HÌNH THỨC VLVH Ở TRUNG TÂM ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI TẠI ĐÀ NẴNG

2.4.1 Thực trạng quản lý chất lượng tuyển sinh đầu vào ngành QTKD theo hình thức VLVH

Kết quả cho thấy việc tổ chức tuyển sinh đầu vào được CBQL, GV đánh giá khá cao với 27% đánh giá rất tốt và 40% đánh giá tốt và 20% đánh giá khá tốt; còn lại là 7% đánh giá trung bình và 7% đánh giá yếu, điều này thể hiện cách tổ chức tuyển sinh vẫn còn hạn chế, cần xem xét sửa đổi, điều chỉnh cho phù hợp hơn.

Việc xác định đối tượng tham gia học ngành QTKD theo hình thức VLVH được phân loại theo quy định. Qua khảo sát có 20% ý kiến của CBQL, GV đánh giá rất tốt, 47% đánh giá tốt, có 13% đánh giá ở mức độ khá còn lại là trung bình và yếu.

Thông qua kết quả khảo sát, việc kiểm tra phân loại hồ sơ nhập học của HV được đánh giá tương đối cao với 40% ý kiến đánh giá rất tốt, 33% đánh giá tốt và 27% đánh giá khá.

Về thông tin chế độ, chính sách đối với học viên theo quy định được CBQL và GV đánh giá mức độ khá, với 80% đánh giá ở mức độ khá trở lên và 20% đánh giá mức độ trung bình.

2.4.2. Thực trạng quản lý chất lượng đội ngũ giảng viên

Số lượng giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng hàng năm tham gia giảng dạy ngành QTKD còn ít, đôi lúc chưa đáp ứng kịp thời gây khó khăn cho công tác đào tạo dẫn đến chất lượng đào tạo không đạt theo yêu cầu làm ảnh hưởng lớn đến động cơ học tập của học viên nhất là khi mời giảng viên cơ hữu tại Hà Nội vào Đà Nẵng tham gia giảng dạy thường xảy ra tình trạng dạy ghép lớp, dạy cuốn chiếu, bị động trong khâu quản lý.

2.4.3. Thực trạng quản lý chất lượng giảng dạy của giảng viên

Công tác quản lý kế hoạch giảng dạy cũng như bố trí sắp xếp, phân công giờ dạy của giảng viên một cách hợp lý, phát huy được thế mạnh của từng GV đảm bảo kế hoạch học tập và trình độ chuyên môn, đáp ứng nhu cầu học tập đã đề ra.

Giảng viên thực hiện tốt giờ giấc và lịch trình giảng dạy do Trung tâm đề ra thông qua kế hoạch giảng dạy, thời khóa biểu, lịch báo dạy, công tác tuần và phòng đào tạo Trung tâm trực tiếp theo dõi kiểm tra - đánh giá. Bên cạnh đó, GV đã sử dụng phương tiện dạy học phù hợp với phương pháp giảng dạy sinh động thu hút, phát huy

tính tự học, tự nghiên cứu của SV. Tuy nhiên, việc thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy đối với đội ngũ giảng viên chưa được triển khai đồng bộ và triệt để. Việc chỉ đạo GV thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy còn thiếu quyết đoán, chưa thực sự đi vào thực chất.

2.4.4. Thực trạng quản lý chất lượng học tập của học viên

Kết quả khảo sát thể hiện chất lượng hoạt động học tập của HV ngành QTKD theo hình thức VLVH ở Trung tâm ĐH Mở Hà Nội tại Đà Nẵng chưa cao. Học viên chưa dành thời gian hợp lý cho việc xây dựng kế hoạch học tập sao cho phù hợp với điều kiện và năng lực học tập của bản thân, chưa sử dụng hiệu quả các phương pháp học tập đối với từng môn học cũng như chưa dành thời gian thích đáng cho hoạt động tự học, tự nghiên cứu; đồng thời năng lực tiếp thu kiến thức mới của HV không cao.

2.4.5. Thực trạng quản lý chất lượng kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học viên

Qua kết quả khảo sát ý kiến từ CBQL, GV và HV cho thấy việc tổ chức thi, kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của HV được tổ chức nghiêm túc, khách quan, đúng quy định. Trong đó, công tác tổ chức thi, kiểm tra kết thúc khóa học được đánh giá ở mức độ cao.

Các hình thức kiểm tra - đánh giá phù hợp với phương thức đào tạo và đặc thù môn học, ngành học cũng được CBQL, GV và HV đánh giá cao. Qua đó thể hiện việc kiểm tra - đánh giá đảm bảo theo các quy định của đặc thù loại hình đào tạo VLVH.

2.4.6. Thực trạng quản lý chất lượng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học là một điều kiện không thể thiếu được trong quá trình đào tạo. CSVS, trang thiết bị dạy học đầy đủ, hiện đại sẽ góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

Đối với việc thực hiện nội qui qui định về sử dụng CSVC và trang thiết bị dạy học, thực hiện việc bảo trì bổ sung CSVC trang thiết bị dạy học được đánh giá tương đối tốt, song cũng cần được cải tiến trong khâu quản lý để phục vụ tốt hơn nữa.

2.4.7. Thực trạng quản lý chất lượng sau đào tạo

Kết quả khảo sát 162 học viên tốt nghiệp cho thấy phần lớn các sản phẩm được đào tạo nhằm mục đích phục vụ cho công việc được tốt hơn, phần này chiếm 59,9% trong khi đó chỉ có 3,1% được cơ quan cử đi đào tạo tiếp. Đặc biệt có đến 9,3% học viên sau khi tốt nghiệp được đề bạt vào vị trí công tác cao hơn và 12,3 % được chuyển ngạch công tác.

2.4.8. Đánh giá mức độ đáp ứng công việc của học viên ngành QTKD theo hình thức VLVH ở Trung tâm ĐH Mở Hà Nội tại Đà Nẵng

Đa số học viên ngành QTKD theo hình thức vừa làm vừa học ở Trung tâm ĐH Mở Hà Nội tại Đà Nẵng sau khi tốt nghiệp được các cơ quan doanh nghiệp tuyển dụng đánh giá cao về phẩm chất đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật; kỹ năng phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề trong công việc tốt; việc ứng dụng kiến thức vào công việc thực tiễn hiệu quả; kỹ năng thực hành tốt. Đặc biệt, các HV được đánh giá có kỹ năng sử dụng trang thiết bị công nghệ cao.

Tuy nhiên, về năng lực giao tiếp bằng ngoại ngữ; kinh nghiệm thực tế; kỹ năng làm việc theo nhóm cũng như kiến thức về quản lý của HV được đánh giá ở mức độ trung bình khá.

2.5. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC QLCL ĐÀO TẠO NGÀNH QTKD THEO HÌNH THỨC VỪA HỌC VỪA LÀM Ở TRUNG TÂM ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI TẠI ĐÀ NẴNG

2.5.1 Mặt mạnh

Trong thời gian qua, công tác đào tạo ngành QTKD theo hình thức VLVH ở Trung tâm Đại học Mở Hà Nội tại Đà Nẵng đã có nhiều chuyển biến tích cực và đạt được kết quả nhất định.

Bên cạnh đó, đội ngũ CBQL có năng lực, nhiệt tình trong công việc có trách nhiệm và có quyết tâm cao. Cơ sở vật chất của Trung tâm hiện đại, khang trang đạt tiêu chuẩn trong phục vụ học tập. Trong năm học 2011 - 2012, Trung tâm đã bắt đầu ổn định về tổ chức và cán bộ đào tạo, đội ngũ giảng viên, xây dựng hệ thống văn bản quy định về hoạt động nội bộ; các mặt công tác đã bắt đầu đi vào nề nếp, chất lượng đào tạo được đảm bảo đáp ứng một phần yêu cầu về nguồn lao động cho khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

2.5.2 Hạn chế

Đội ngũ cán bộ quản lý của Trung tâm nhìn chung còn trẻ chưa có nhiều kinh nghiệm, nề nếp quản lý một số mặt chưa được bài bản như ở một số trường đại học công lập.

Nguồn lực tài chính còn rất hạn hẹp ảnh hưởng đến khả năng đầu tư cho việc đào tạo đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý đồng thời ảnh hưởng đến việc tăng cường đầu tư CSVC nhằm phục vụ và nâng cao thiết bị dạy học.

Trung tâm chưa tạo được nhiều mối quan hệ hợp tác chặt chẽ và có hiệu quả với các doanh nghiệp, các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế, các địa phương, cũng như với các cựu học viên

2.5.3 Thuận lợi

Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ trên thế giới đặc biệt là công nghệ thông tin tiếp tục phát triển mạnh mẽ, làm nền tảng cho sự phát triển của kinh tế tri thức, làm thay đổi mạnh mẽ nội dung, phương pháp đào tạo, đồng thời tạo cơ hội cho Trung tâm ĐH Mở Hà Nội tại Đà Nẵng dễ dàng tiếp cận được các thành tựu của tri thức nhân loại.

2.5.4 Thách thức

Các khoa học về kinh tế, quản lý và kinh doanh ở nước ta đang ở trong quá trình chuyển đổi, đã thay đổi rất nhanh chóng nhưng vẫn còn tụt hậu rất nhiều so với thế giới. Các cơ chế quản lý kinh tế, kinh doanh, quản lý xã hội còn rất nhiều bất cập.

Các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên là địa bàn phục vụ chủ yếu của Trung tâm đang là những địa phương chậm phát triển, đặc biệt ở Tây Nguyên có những vùng nghèo nhất cả nước với mật độ dân trí thấp, chất lượng giáo dục phổ thông yếu.

2.5.5 Đánh giá chung

Qua đánh giá thực trạng quản lý chất lượng đào tạo ngành QTKD theo hình thức VLVH ở Trung tâm Đại học Mở Hà Nội tại Đà Nẵng cho thấy mục tiêu, nội dung chương trình, giáo trình giảng dạy ngành Quản trị Kinh doanh của Trung tâm đã là tương đối phù hợp với kiến thức chuyên môn công việc đáp ứng được nhu cầu của xã hội và nhà tuyển dụng. Tuy nhiên, chương trình đào tạo còn mang nặng tính hàn lâm, chưa chú trọng thích đáng tới thực hành và chưa tận dụng được kinh nghiệm nghề nghiệp của học viên.

Trong những năm qua, công tác QLCL giảng dạy của giảng viên tại Trung tâm được thực hiện tương đối chặt chẽ, nghiêm túc, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học. Tuy nhiên, số lượng GV cơ hữu còn ít nên Trung tâm gặp khó khăn khi mời giảng viên thỉnh giảng từ các trường đại học khác trong nước. Học viên học tập theo hình thức VLVH là vừa phải đi làm vừa phải đi học, một thực tế là học viên theo hình thức VLVH thường xuyên đi học muộn hoặc vắng mặt trên lớp, hầu như không có thời gian nghiên cứu tài liệu, tự học, tự nghiên cứu để nắm bắt được vấn đề.

Tuy đã được quan tâm đầu tư nhưng cơ sở vật chất của Trung tâm chưa thực sự đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 2

Với cơ sở lý luận đã được trình bày ở chương 1 của đề tài và kết quả đánh giá thực trạng công tác QLCL đào tạo ngành QTKD theo hình thức VLVH của Trung tâm, chúng tôi đề xuất các biện pháp QLCL đào tạo ngành QTKD theo hình thức vừa làm vừa học ở Trung tâm Đại học Mở Hà Nội tại Đà Nẵng ở chương 3.

CHƯƠNG 3

BIỆN PHÁP QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

THEO HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC

Ở TRUNG TÂM ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI TẠI ĐÀ NẴNG

3.1. CÁC NGUYÊN TẮC ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP

3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn

3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính đồng bộ

3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính toàn diện

3.1.4. Nguyên tắc bảo đảm tính lịch sử

3.1.5. Nguyên tắc đảm bảo sự phát triển

3.1.6. Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi

3.1.7. Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống

3.1.8. Nguyên tắc đảm bảo tính hiệu quả

3.2. CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

NGÀNH QTKD THEO HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC Ở

TRUNG TÂM ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI TẠI ĐÀ NẴNG

3.2.1. Nâng cao nhận thức của CBQL, giảng viên và học viên về tầm quan trọng của chất lượng đào tạo theo hình thức VLVH

- Tổ chức đợt sinh hoạt chính trị, học tập và bồi dưỡng Nghị quyết, chủ trương chính sách của Đảng, các văn bản quy định của Nhà nước về việc nâng cao CLĐT nói chung và về CLĐT theo hình thức VLVH trong đó có ngành QTKD nói riêng.

- Phổ biến cho HV hiểu rõ về mục tiêu đào tạo ngành QTKD theo hình thức VLVH.

- Tổ chức học tập nội qui, qui chế cho HV trước và trong quá trình học, làm tốt công tác quản lý HV, nhắc nhở, nắm bắt tình hình học tập, cũng như tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của mỗi HV để bản thân mỗi HV tự rèn luyện, phấn đấu, hoàn thành tốt CTĐT.

3.2.2. Phát triển đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm bảo về số lượng và chất lượng

- Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ GV đủ về số lượng và đạt về chất lượng.

- Có chính sách thu hút GV từ các trường đại học khác về làm GV cơ hữu của Trung tâm.

- Tuyển dụng những sinh viên ưu tú từ các trường ĐH trong và ngoài nước, có kế hoạch tiếp tục đào tạo họ để kịp thời đáp ứng yêu cầu đào tạo của Trung tâm.

- Đảm bảo quy trình tuyển chọn đội ngũ GV cơ hữu của Trung tâm.

- Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng các cán bộ có trình độ chuyên môn vững vàng của Trung tâm nhằm bổ sung đội ngũ GV.

3.2.3. Tăng cường quản lý chất lượng giảng dạy của giảng viên

- Quản lý việc chuẩn bị giờ lên lớp của giáo viên như: Xây dựng đề cương giảng dạy chi tiết, chuẩn bị giáo trình và tài liệu tham khảo, phương tiện phục vụ dạy học,...

- Quản lý thực hiện đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng tích cực; với phương châm “dạy cách học, phát huy tính chủ động của người học”.

- Xây dựng các công cụ kiểm tra có hiệu quả về hoạt động giảng dạy của GV. Đổi mới quản lý hoạt động kiểm tra - đánh giá công tác

giảng dạy, khai thác và sử dụng trang thiết bị, phương tiện dạy học phù hợp.

- Tổ chức các buổi họp chuyên môn để tạo điều kiện cho GV trao đổi, rút kinh nghiệm, đánh giá, điều chỉnh nội dung giảng dạy.

- Tổ chức lấy ý kiến của HV về hoạt động giảng dạy, giúp cho GV giảm tính chủ quan trong giảng dạy, đầu tư thời gian nhiều hơn cho công việc giảng dạy và có trách nhiệm hơn với HV.

3.2.4. Tăng cường quản lý chất lượng học tập của học viên

- Tăng cường quản lý HV thông qua nề nếp học tập, thực hiện nội quy học tập.

- Trang bị, bồi dưỡng cho HV phương pháp tự học, tự nghiên cứu. Yêu cầu GV giao các bài tập tự học cho HV và có chế độ kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện.

- Tổ chức đánh giá chất lượng học tập của HV thông qua kiểm tra hàng ngày, kiểm tra giữa kỳ, thi cuối khóa để đánh giá chất lượng của HV, tìm ra những hạn chế của HV từ đó có biện pháp khắc phục.

- Kết hợp đánh giá kết quả học tập, rèn luyện thông qua kiểm tra, thi kết thúc khóa học và sự chuyên cần trong suốt thời gian học một cách chính xác, khách quan.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của GV đối với hoạt động học tập của học viên trên lớp.

- Động viên và khen thưởng kịp thời những học viên giỏi trong quá trình học tập để tạo động lực phấn đấu trong học tập của HV.

3.2.5. Đẩy mạnh hoạt động kiểm tra - đánh giá kết quả học tập

- Đảm bảo kiểm tra - đánh giá được tổ chức định kỳ theo quy định của Bộ GD & ĐT và quy chế của Viện Đại học Mở Hà Nội.

- Yêu cầu đội ngũ CBQL, GV nắm vững và vận dụng tốt các quy chế thi, kiểm tra, các hình thức kiểm tra, đánh giá đối với HV.

- Đảm bảo thời gian hoàn thành công tác chấm thi và công bố kết quả thi theo quy định.

- Tiếp nhận giải quyết và phản hồi kịp thời ý kiến của HV về kết quả thi, KT - ĐG kết quả học tập.

3.2.6. Đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

- Xây dựng kế hoạch đầu tư nâng cấp CSVC và các trang thiết bị dạy học hiện đại đáp ứng chiến lược phát triển Trung tâm trong giai đoạn 2013 - 2020.

- Tăng cường đầu tư CSVC và thiết bị dạy học theo đúng tiến độ kế hoạch, đảm bảo chất lượng, phù hợp với yêu cầu đảm bảo tính thực tiễn, khả thi trên cơ sở cân đối ngân sách các nguồn kinh phí.

- Xây dựng hệ thống các văn bản quy định sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất dựa trên tình hình thực tế của Trung tâm. Ban hành những văn bản qui định trách nhiệm cho từng bộ phận, cá nhân để nâng cao tinh thần trách nhiệm của mọi người trong việc sử dụng CSVC, trang thiết bị dạy học.

- Có kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị định kỳ để kéo dài thời hạn sử dụng, giảm thiểu chi phí tài chính và đảm bảo sẵn sàng phục vụ cho nhu cầu dạy và học.

3.3. MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC BIỆN PHÁP

Các biện pháp luôn có mối quan hệ với nhau tạo nên sức mạnh tổng hợp. Giữa chúng luôn tác động qua lại lẫn nhau thể hiện mối quan hệ hữu cơ bền chặt.

Các biện pháp thể hiện mối quan hệ tổng hòa, thống nhất, đồng bộ được hình thành và phát triển dựa trên các quy luật khách quan trong quản lý chất lượng đào tạo chuyên ngành QTKD theo hình thức VLVH ở Viện Đại học Mở Hà Nội tại Đà Nẵng.

3.4. KHẢO NGHIỆM TÍNH CẤP THIẾT VÀ KHẢ THI CỦA CÁC BIỆN PHÁP

Tiến hành thăm dò ý kiến gồm 15 CBQL, giảng viên là những người trực tiếp giảng dạy và tham gia công tác quản lý ở Trung tâm Đại học Mở Hà Nội tại Đà Nẵng về tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp QLCL đào tạo ngành QTKD theo hình thức VLVH tại Trung tâm Đại học Mở Hà Nội tại Đà Nẵng.

Bảng 3.1: Kết quả khảo nghiệm tính cấp thiết và khả thi của các biện pháp

Các biện pháp	Kết quả (Điểm TBC)	
	Tính cấp thiết	Tính khả thi
Nâng cao nhận thức của CBQL, GV và học viên về tầm quan trọng của chất lượng đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học	4,83	4,77
Phát triển đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm bảo về số lượng và chất lượng	4,67	4,00
Tăng cường quản lý chất lượng giảng dạy của giảng viên	4,77	4,47
Tăng cường quản lý chất lượng học tập của học viên	4,65	4,40
Đẩy mạnh hoạt động kiểm tra - đánh giá kết quả học tập	4,55	4,30
Đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học	4,53	4,23

Căn cứ kết quả tại bảng 3.1 cho thấy:

- Về tính cấp thiết: Hầu hết CBQL, GV được hỏi ý kiến đều cho rằng các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả QLCL đào tạo ngành Quản trị kinh doanh của Trung tâm Đại học Mở Hà Nội tại Đà Nẵng là rất cần thiết (Điểm TBC từ 4,53 trở lên).

- Về tính khả thi: Tuy kết quả điểm đánh giá tính khả thi không cao như đánh giá tính cấp thiết, nhưng các ý kiến khảo sát cho rằng các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả QLCL đào tạo ngành Quản trị

kinh doanh của Trung tâm Đại học Mở Hà Nội tại Đà Nẵng có tính khả thi khá cao trong điều kiện hiện nay.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Để nâng cao hiệu quả công tác QLCL đào tạo ngành Quản trị kinh doanh theo hình thức VLVH ở Trung tâm Đại học Mở Hà Nội tại Đà Nẵng, cần phải linh hoạt vận dụng 06 biện pháp luận văn đề xuất. Kết quả khảo nghiệm thể hiện các biện pháp quản lý chất lượng đào tạo ngành QTKD theo hình thức VLVH ở Trung tâm Đại học Mở Hà Nội tại Đà Nẵng có tính cấp thiết rất cao và tính khả thi cao.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Luận văn đã nghiên cứu một cách hệ thống cơ sở lý luận khoa học quản lý, QLGD, quản lý chất lượng đào tạo đại học theo hình thức vừa làm vừa học. Việc nghiên cứu cho thấy tính cấp thiết của công tác quản lý chất lượng đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học ở các trường ĐH hiện nay.

Qua khảo sát đánh giá thực trạng QLCL đào tạo ngành QTKD theo hình thức VLVH ở Trung tâm ĐH Mở Hà Nội tại Đà Nẵng thể hiện CTĐT đang áp dụng tại Trung tâm có cấu trúc chương trình linh hoạt, thuận lợi; phù hợp với kiến thức chuyên môn phục vụ cho công việc, đáp ứng nhu cầu của xã hội và nhà tuyển dụng. Tuy nhiên, tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết và thực hành chưa hợp lý; chương trình còn nặng về lý thuyết, hạn chế tư duy của HV. Số lượng GV cơ hữu còn ít nên Trung tâm gặp khó khăn khi mời giảng viên thỉnh giảng từ các trường đại học khác trong nước và khó khăn trong QL đào tạo. Học viên theo hình thức VLVH chưa dành thời gian hợp lý cho việc xây dựng kế hoạch học tập của bản thân, chưa sử dụng hiệu quả các phương pháp học tập đối với từng môn học cũng như chưa dành thời gian cho hoạt động tự học, tự nghiên cứu.

Luận văn đề xuất 06 biện pháp QLCL đào tạo ngành Quản trị kinh doanh theo hình thức VLVH ở Trung tâm Đại học Mở Hà Nội tại Đà Nẵng. Kết quả khảo nghiệm thể hiện các biện pháp luận văn đề xuất có tính cấp thiết rất cao và tính khả thi cao.

2. Khuyến nghị

2.1. Đối với Bộ Giáo dục và đào tạo

- Ban hành các văn bản quy định nhiệm vụ, trách nhiệm, nội dung thực hiện việc quản lý công tác đào tạo hình thức VLVH cho từng cá nhân, bộ phận, chức danh trong các trường ĐH và CĐ.

- Thống nhất hệ thống giáo trình đối với hình thức VLVH nhằm đảm bảo tính thống nhất với các trường đại học.

2.2. Đối với UBND Thành phố Đà Nẵng

- Tạo điều kiện về mặt hành chính cũng như hỗ trợ cho công tác đào tạo tuyển sinh theo hình thức VLVH.

- Quan tâm tạo điều kiện bố trí đất đai xây dựng Trung tâm ĐH Mở Hà Nội tại Đà Nẵng.

2.3. Đối với Viện Đại học Mở Hà Nội

- Rà soát lại giáo trình các môn học ngành QTKD một cách phù hợp.

- Đẩy mạnh phân cấp quản lý cho Trung tâm trên cơ sở đảm bảo gắn trách nhiệm với nghĩa vụ, quyền hạn và quyền lợi.

2.3. Đối với Trung tâm ĐH Mở Hà Nội tại Đà Nẵng

- Tổ chức hội thảo khoa học về QLCL đào tạo theo hình thức VLVH nhằm đề xuất và áp dụng các biện pháp phù hợp, khả thi nhằm nâng cao CLĐT.

- Tăng cường công tác tư vấn tuyển sinh, hướng dẫn học viên để công tác quản lý chất lượng đào tạo đối với ngành QTKD ngày một hiệu quả và chất lượng.